

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ

Phạn văn: HOÀNG PHÁP Đại Sư

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMO BHAGAVATE

Năng mô bà nga phộc đế (Quy mệnh Thế Tôn)

त्रैलोक्ये

TRAILOKYĀ

Đát-lạt lộ-chỉ dā (Ba đời hoặc ba cõi)

प्रतिविशतया

PRATIVISIṢṬAYĀ

Bát-la để vĩ thủy sắt-tra dā (Tối thù thắng)

बुद्धाय

BUDDHĀYĀ

Một đà dā (Đại Giác)

भगवते

BHAGAVATE

Bà nga phộc đế (Thế Tôn)

*) Phần trên là: **Đệ nhất Quy Kính Đức Môn**

तद्यथा

TADYATHĀ

Đát nễ-dā tha (Ấy là, hoặc liền nói)

ॐ

OM

Án (ba Thân, Vô Kiến Đỉnh Tướng)

*) Phần trên là **Đệ nhị Chương Biểu** (biểu thị sáng tỏ) **Pháp Thân Môn**

विशदया विशदया

VIŚODHAYĀ VIŚODHAYĀ

Vĩ thú đà dā, vĩ thú đà dā (thanh tịnh)

सम सम समन्तवभासा

SAMA SAMA SAMANTĀVABHASĀ

Sa ma, sa ma, sa mãn đá phộc bà (chiếu diệu khắp cả)

स्फुरन्

SPHARAṆĀ

Sa-phả la noa (duỗi tràn khắp nơi)

गति गहाना

GATI GAHĀNĀ

Nga để, nga hạ năng (rừng 6 nẻo đông đúc)

स्वभाव विशुद्धे

SVĀBHĀVA VIŚUDDHE

Sa-phộc bà phộc, vĩ truật đệ (tự nhiên thanh tĩnh)

*) Phần trên là **Đệ tam Tĩnh Trừ Ác Thú Môn**

अभिषिम्बा तुमाम्

ABHIṢIMCA TUMĀM

A tị tru tả đồ hàm (Quán đỉnh cho tôi)

सुगता

SUGATA

Tổ nga đá (Thiện Thệ)

वरा वचना

VARA VACANA

Phộc la, phộc tả năng (lời giảng dạy thù thắng)

अमृता अभिषािकै माहा मन्त्र पदाय

AMṚTA ABHIṢAIKAI MAHĀ-MANTRA-PADAI

A mật-lị đa tị sái kế, ma ha mạn đát-la bả nãi (Cam Lộ, cũng nói là Câu Quán Đỉnh Bất Tử)

अहारा अहारा

AHARA AHARA

A hạ la, a hạ la (Nguyện xin nhiếp thọ, nhiếp thọ, nhiếp thọ. Lại do dùng 3 lần để nhiếp thắng các khổ não)

आयुः सन्धारानि

ĀYUH SANDHĀRANI

A dữu tán đà la ni (trụ vững chắc giữ gìn Thọ Mệnh)

*) Phần trên là : **Đệ tứ Thiện Minh Quán Đỉnh Môn**

शोधया शोधया गगना विशुद्धे

ŚODHAYA ŚODHAYA GAGANA VIŚUDDHE

Thú đà dã, thú đà dã, nga nga năng, vĩ truật đệ (như Hư Không thanh tĩnh)

उष्णिषा

UṢNĪṢA

Ô sắt-ni sái (Phật Đỉnh)

विजया विशुद्धे

VIJAYA VIŚUDDHE

Vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ (Tôn Thắng thanh tĩnh)

साहस्रा रास्मि

SAHĀSRA RĀSMI

Thiên quang Minh (Ngàn ánh sáng)

साम्कोदिते

SAMCODITE

Tán tổ nễ đế (cảnh giác)

सर्वं तथगतवृत्तकले अहोमिमा परिस्रिमि सर्वं तथगतं

सर्वं तथगतवृत्तकले अहोमिमा परिस्रिमि सर्वं तथगतं

SARVA TATHĀGATĀVALOKANI ṢAD-BĀRAMITĀ PARIPURANI_ SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

Tát phộc đát tha nga đa phộc lộ già nãnh, sa tra-bá la nhĩ đá , ba lị bố la ni. Tát phộc đát tha nga đa hột-la ná dã địa sắt-xá năng, địa sắt-xỉ đá (nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

महा मुद्रि

MAHĀ-MUDRI

Ma hạ mẫu nại-lê (Ấn Khê)

वज्रकय समहन वसुद्ध

VAJRA-KĀYA SAMHĀTANA VISUDDHE

Phộc nhật-la ca dã, tăng hạ đá năng, vĩ truật đệ (Kim Cương câu tóa thân thanh tịnh)

सर्व वारानि पया द्रार्गति परिवसुद्ध

SARVAVARAṆI PAYA DRARGATI PARIVISUDDHE

Tát phộc phộc la noa, bá dã, nạp li-nghiệt đệ, bả li vĩ truật đệ (tất cả chương thanh tịnh. Ấy là: Nghiệp chương, Báo chương, Phiền Nảo chương đều thanh tịnh)

*) Phần trên là: **Đệ ngũ Thân Lục Gia Trì Môn**

प्रति वरतय आयुः सुद्ध

PRATINI VARTTAYA ĀYUḤ ŚUDDHE

Bát-la đế nãnh, miệt la-đa dã, a dục truật đệ (Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh)

समयधिसृज

SAMAYA ADHIṢṬITE

Tam ma dã địa sắt-xĩ đế (Thệ nguyện gia trì)

मम मम महामम

MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI

Ma ni, ma ni, ma ha ma ni (báu của Thế Gian cũng nói là Pháp Bảo, ấy là tư lương của 2 loại Phước Tuệ)

*) Phần trên là: **Đệ lục Thọ Mệnh Tăng Trưởng Môn**

तथात सुत कल परि सुद्ध

TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARIŚUDDHE

Đát đạt đá, bộ đa cú trí, bả li truật đệ (Chân Như thật tế tràn đầy thanh tịnh)

विष्णुस बुद्ध सुद्ध

VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

Vĩ sa-phổ tra, một đà, truật đệ (hiển hiện Trí Tuệ thanh tịnh)

जय जयस वजय वजय

JAYA JAYA _ VIJAYA VIJAYA

Nhạ dã, hạ dã. Vĩ hạ dã, vĩ hạ dã (Tối thắng, tối thắng. Tức là Chân Tục Nhị Đế Pháp Môn)

स्मर स्मर

SMARA SMARA

Sa-ma la, sa-ma la (Niệm trì Định Tuệ tương ứng)

*) Phần trên là: **Đệ thất Định Tuệ Tương Ứng Môn**

सर्व बुद्ध

SARVA BUDDHĀ

Tát phộc một đà (Tất cả chư Phật)

नम विसृज नमननस

NAMO VIPAŚYANE TATHĀGATĀYA

Năng mô Tỳ Bà Thi Ninh đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai)

नमः शिखिने तथगतये

NAMO ŚIKHINE TATHĀGATĀYA

Năng mô Thi Khí năng đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Thi Khí Như Lai)

नमः विश्वभू तथगतये

NAMO VIŚABHŪ TATHĀGATĀYA

Năng mô Tỳ xá phù-phệ đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai)

नमः क्राकसाम्दहाय तथगतये

NAMO KRAKASAMDHAYA TATHĀGATĀYA

Năng mô Ca-la câu tôn đà dã đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai)

नमः कानकामुणिये तथगतये

NAMO KANAKAMUṆIYE TATHĀGATĀYA

Năng mô ca năng ca mâu ni năng duệ đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai)

नमः काश्यपाय तथगतये

NAMO KAŚYAPAYA TATHĀGATĀYA

Năng mô Ca diệp bà dã đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Ca Diệp Như Lai)

नमः शक्यमुणिये तथगतये

NAMO ŚAKYAMUṆIYE TATHĀGATĀYA

Năng mô Thích Ca Mâu Ni năng duệ đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai)

नमः आर्या अवलोकितेश्वरया बोधिसत्व

NAMO ĀRYA AVALOKITEŚVARAYA BODHISATVA

Năng mô a lợi-gia phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la dã, mạo địa tát đa-phộc (Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)

अधिष्ठा सुद्धे

ADHIṢṬITA ŚUDDHE

Địa sắt-xỉ đa, truật đệ (Gia trì thanh tịnh)

वज्र वज्रगर्भ

VAJRI VAJRA-GARBHE

Phộc nhật-li, phộc nhật-la nghiệt tỳ (Kim Cương Tạng)

वज्र भवतु

VAJRĀ BHĀVATU

Phộc nhật-la, bà phù đồ (Nguyện thành Kim Cương)

मम

MAMA

Ma ma (Tôi, tự xưng tên họ...Nếu vì người khác thì xưng tên họ của người ấy)

*) Phần trên là : **Đệ bát Kim Cương Cúng Dường Môn**

शरिरं सर्वं सत्त्वानामकाया परिविसुद्धे

ŚARIRAM SARVA SATVANAMCA KAYA PARIVIŚUDDHE

Thiết li lam, tát phộc tát đát-phộc nan tả, ca dã, bả li vĩ truật đệ (tất cả Thân của Hữu Tinh được thanh tịnh)

सर्वं गतिं परिसुद्धे

SARVA GATI PARIŚUDDHE

Tát phộc nga đế, bả li truật đệ (Tất cả các nẻo đều thanh tịnh)

सर्व तथगतस्य मे सम स्वस यस्तु सर्व तथगत सम
बुद्धयः

SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMA ŚVASA YAMTU _ SARVA
TATHĀGATA-SAMĀ ŚVASA ADHIṢṬATE

Tát phộc đát tha nghiệť đả thấť giả, minh tam ma, thấť phộc sa điểm đố.
Tát phộc đát tha nghiệť đả tam ma thấť-phộc sa, đỉa sắť-xỉ để (tất cả Như Lai an ủi
khiến đượć gia trì)

बुद्ध्य बुद्ध्य विबुद्ध्य विबुद्ध्य

BUDDHYA BUDDHYA _ VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Một đỉa-dã, một đỉa-dã. Vĩ một đỉa-dã, vĩ một đỉa-dã (Sở Giác, sở giác)

बोध्य बोध्य विबोध्य विबोध्य

BODHAYA BODHAYA _ VIBODHAYA VIBODHAYA

Mạo đà dã, mạo đà dã. Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã (hay khiến cho Giác Ngộ.
Hay khiến cho có sự tỉnh tồć đượć Giác Ngộ)

समं पारिसुद्धे

SAMANTA PARISUDDHE

Tam mần bả bả lị trườť để (Thanh tịnh tràn ngậť khắp)

सर्व तथगत हृदय अधिष्ठान अधिष्ठान

SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬATE

Tát phộc đát tha nghiệť đả hột-lị ná dã, đỉa sắť-xá nắng, đỉa sắť-xỉ đả (nơi
gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

महा मुद्रि

MAHĀ-MUDRI

Ma ha mẩu nại-lị (Đại Án, ấy là Như Lai Đại Án)

*) Phần trên là : **Đệ cửu Phổ Chứng Thanh Tĩnh Môn**

सर्व

SVĀHĀ

Sa-phộc hạ (câu Cát Tường, nghĩa Thành Tựu)

समाप्त

SAMAPTA (kết thúc, chấm hết)

*) Phần trên là: **Đệ thập Thành Tựu Niết Bàn Môn**

Thầy dạy rằng: Đà La Ni này có 9 bản là các Bản dịch của Đố Hành Khải,
Nguyệt Chiếu Tam Tạng, Nghĩa Tịnh Tam Tạng, Phật Đà Ba Lị, Thiện Vô Úy Tam
Tạng , Kim Cương Trí Tam Tạng, Bất Không Tam Tạng, Bản chú thích của Pháp
Sùng, Phạn Bản sở truyền của Hoằng Pháp Đại Sư.

Nay dùng Bản Phạn của Hoằng Pháp Đại Sư và bản dịch của Tam Tạng Kim
Cương Trí thêm chữ cho đầy đủ thành bản Hán Phạn song đố. Hoằng Pháp Đại Sư ở
Nhật Bản đượć ngài Huệ Quả A Xà Lê trao cho bản Phạn bằng lá cây Đa La, trong đó
có ghi Phạn Hiệủ của 7 vị Phật và Quán Âm nên khác với bản Phạn khác, mong người
đòi sau biết cho

Luậť Cử năm thứ hai _ Tân

21/09/1997